

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND tỉnh Quảng Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTCT ngày 08/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 194/TTr-TTR ngày 27/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm sao y gửi các cơ quan, đơn vị trực thuộc, UBND các xã, phường, thị trấn chỉ đạo việc công khai và tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh QB;
- Lưu: VT, KSTTHC.



CHỦ TỊCH

Trần Thắng

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA UBND TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình)

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ BCCI |
|-------|----------------------------------|---|---|-------------|---|--|
| 1 | Thủ tục kê khai tài sản thu nhập | <p>1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật Phòng chống tham nhũng phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021.- Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật Phòng chống tham nhũng phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác. <p>2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung:</p> <p>Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.</p> | Cơ quan nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập | Không | <ul style="list-style-type: none">- Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20/11/2018;- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. | Không |

| | | | | | | |
|---|-----------------------------------|---|-------------------------------------|-------|--|-------|
| | | <p>3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm:</p> <p>Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.</p> <p>4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật Phòng chống tham nhũng khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác; - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Phòng chống tham nhũng việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử. | | | | |
| 2 | Thủ tục xác minh tài sản thu nhập | Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày; thời hạn công khai kết luận là 05 ngày làm việc) | Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20/11/2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. | Không |

3

v

| | | | | | | |
|---|--------------------------------------|--|---|-------|--|-------|
| 3 | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình | Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình | Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước | Không | - Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20/11/2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. | Không |
| 4 | Thủ tục thực hiện việc giải trình | Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình. | Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước | Không | | Không |

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên văn bản quy định nội dung bãi bỏ thủ tục hành chính |
|-----|---|--|--|
| 1 | TTR-QBI-16-10950, Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 | Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập | - Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20/11/2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. |
| 2 | TTR-QBI-17-10950, Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 | Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | |
| 3 | TTR-QBI-27, Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình | |
| 4 | TTR-QBI-28, Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 | Thủ tục thực hiện việc giải trình | |
| 5 | TTR-QBI-18-10950, Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 | Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập | |

3

✓